TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2017
"V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lù Chí Cường
2. Ông Vũ Đức Luận

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trang N – Sinh năm: 1990
Địa chỉ: Tổ dân phố X2, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai.
2.Bị đơn: Anh Trần Văn H – Sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ dân phố X2, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Trang N trình bày: chị và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai vào ngày 04/3/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, hay cãi nhau về vấn đề làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc nuôi dạy con cái, mỗi người một quan điểm sống không ai khắc phục được tính cách của mình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn sự tin tưởng, thương yêu, tôn trọng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có 01 người con chung là cháu Trần Phương U – Sinh ngày 10/7/2015, hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh

H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu U trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Trang N khai nhận anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2017 anh Trần Văn H trình bày: anh và chị Nguyễn Trang N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị N đã trình bày. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn anh không nhất trí vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh H và chị N có 01 người con chung là cháu Trần Phương U – Sinh ngày 10/7/2015, hiện nay cháu đang ở cùng chị N. Nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu U đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh chị không có tài sản chung, không công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Trang N có mặt, bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, vụ án không có đối tượng tranh chấp, không có đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên tòa sơ thẩm không có sự tham gia của Viện Kiểm sát.

-Anh Trần Văn H là bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (Tòa án đã thực hiện tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 175, khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự). Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trang N và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn sự tin tưởng, thương yêu, tôn trọng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Trang N thì nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn và nuôi dạy con; Anh H không có sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ chị trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong việc chăm sóc và nuôi dạy con chung. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 01/2017, chị N và con gái cư trú tại tổ dân phố

X2, thị trấn M, còn anh H cư trú tại Tổ dân phố H, thị trấn M. Trong thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 anh H bỏ mặc không quan tâm, thăm hỏi mẹ con chị. Đến khoảng tháng 6/2017, anh H có đến thăm và chơi với con khi hết giờ làm việc, nhưng anh chị không nói chuyện với nhau nên không giải quyết được mâu thuẫn, hai người không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến mức không thể khắc phục được. Đến nay chị thấy không còn yêu thương và không muốn chung sống cùng anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Nội dung bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải tại Tòa án, anh Trần Văn H đều không nhất trí ly hôn với chị N vì anh cho rằng anh chị không có mâu thuẫn gì, anh và chị N vẫn còn yêu thương nhau nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017, anh H xác nhận anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2017; Từ khi sống ly thân đến tháng 05/2017 anh có gọi điện cho chị N nhưng chị N không nghe máy, anh không đón chị N về, cũng không qua lại thăm nom chị N và cháu U. Đến ngày 24/5/2017, anh và mẹ đẻ anh có đến đón chị N và cháu U nhưng chị N không về. Sau đó anh chỉ đến thăm và chơi với cháu U khi hết giờ làm việc, không ở lại cùng mẹ con chị N, cũng không giúp đỡ về kinh tế để chị N nuôi con.

Từ các phân tích trên cho thấy chị Nguyễn Trang N và anh Trần Văn H là vợ chồng, cùng cư trú trên một địa bàn nhưng không sống chung với nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống; Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng do cả hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Trang N và anh Trần Văn H có 01 người con chung là cháu Trần Phương U – Sinh ngày 10/7/2015, hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trần Phương U sinh ngày 10/7/2015, đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi. Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017 Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Trang N đã thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị N có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng: Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh Trần Văn H có mức lương là 6.823.744đ (Sáu triệu tám trăm hai ba nghìn bảy trăm bốn bốn đồng). Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017, Chị N và anh H tự thỏa thuận mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng; anh H trình bày anh có đủ khả năng thực hiện mức cấp dưỡng như trên. Tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng không có yêu cầu thay đổi nội dung đã thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 21/11/2017. Việc tự thỏa thuận về nuôi con, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng của các đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, các Điều 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị N vẫn có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/tháng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn

Trang N: Giao con chung là cháu Trần Phương U sinh ngày 10/7/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu U trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Trang N và anh Trần Văn H đều xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Trang N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; người có nghĩa vụ cấp dưỡng là anh Trần Văn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trang N. Chị Nguyễn Trang N được ly hôn với anh Trần Văn H.

2/Về con chung: Giao cháu Trần Phương U – Sinh ngày 10/7/2015, cho chị Nguyễn Trang N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu U trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây khó khăn ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Trang N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 07495 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
-Chi cục THADS huyện Mường Khương;
-Các đương sự;
-UBND TT Mường Khương;
-Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên